

Số: 29/2022/QĐST-DS

Đ, ngày 26 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

2. Ông Vũ Văn Quỳnh

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H; Địa chỉ: số nhà 02, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh B; Địa chỉ: số nhà 02, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B (Theo giấy ủy quyền ngày 14/11/2019, số chứng thực 277 ngày 14/11/2019 của UBND phường H, thành phố Đ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị D - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C; Địa chỉ: số nhà 04, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đăng D; Địa chỉ: số nhà 01, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B;

Ông Nguyễn Thanh B; Địa chỉ: số nhà 02, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B;

Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: số nhà 02, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B;

Bà Nguyễn Thị X; Địa chỉ: Số nhà 02, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B;

Người đại diện theo pháp luật cho bà H, bà X là ông: Nguyễn Đăng D; Địa chỉ: số nhà 01, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B (Theo văn bản ngày 26/8/2022);

Bà Trần Thị T; Địa chỉ: Số nhà 04, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B;

Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh B; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến D - Chủ tịch UBND thành phố Đ;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Công nhận diện tích 60,9 m² đất tại địa chỉ: tổ dân phố 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh B là tài sản chung của ông Nguyễn Xuân Khanh và bà Vũ Thị H. Thửa đất có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp nhà ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T có chiều dài là 12,24m; Phía Tây giáp chỉ giới hành lang sông là 2,54m; Phía Nam giáp ranh giới thu hồi của đường Võ Nguyên Giáp (279) là 8,42m; Phía Bắc giáp chỉ giới hành lang sông đoạn 1 dài 12,84m; đoạn 2 là 3,51 m (Theo Biên bản thẩm định và Sơ đồ trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 12- 2020 - Hệ tọa độ VN-2000 tại tổ dân phố 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh B); Mảnh đất có giá trị là 304.500.000 (Ba trăm linh bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng;

1.2. Thỏa thuận phân chia thừa kế như sau: Bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Đăng D, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị H, Bà Nguyễn Thị X mỗi người được hưởng giá trị phần di sản thừa kế của ½ thửa đất do ông Khanh để lại là 25.375.000 (Hai mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Ông Nguyễn Đăng D; bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Thanh B; bà Nguyễn Thị X tự nguyện tặng lại phần giá trị tài sản mà mỗi người được hưởng là 25.375.000 (Hai mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng cho bà Vũ Thị H.

1.3. Bà Vũ Thị H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với mảnh đất có diện tích 60,9 m² tại địa chỉ: tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B. Thửa đất có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp nhà ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T có chiều dài là 12,24m; Phía Tây giáp chỉ giới hành lang sông là 2,54m; Phía Nam giáp ranh giới thu hồi của đường Võ Nguyên Giáp (279) là 8,42m; Phía Bắc giáp chỉ giới hành lang sông đoạn 1 dài 12,84m; đoạn 2 dài 3,51 m (Theo Biên bản

thẩm định và Sơ đồ trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 12- 2020 - Hệ tọa độ VN-2000 tại tổ dân phố 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh B);

1.4. Bà Vũ Thị H phải thanh toán giá trị phần tài sản được thừa kế cho ông Nguyễn Văn C là 25.375.000 (Hai mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bà H không trả cho ông C khoản tiền trên, thì bà H còn phải trả cho ông C khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.5. Về chi phí tố tụng: Các chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, chi phí định giá tài sản, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.6. Về án phí: Áp dụng Điều 144, Điều 147/BLTTDS; Điều 11, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Ông Nguyễn Đăng D, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn C, mỗi người phải chịu 1.269.000 (Một triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn) đồng án phí DSST có giá ngạch đối với tiền thừa kế được hưởng. Bà Vũ Thị H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành